

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2007/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

về việc **Sở** đăng bạ cảng hàng không, sân bay, cấp Giấy chứng nhận và Giấy phép kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết việc lập Sở đăng bạ cảng hàng không sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng; thủ tục cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng với mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký, khai thác, kinh doanh cảng hàng không, sân bay; cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Mục 1

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ đầu tư được gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác;

b) Bản sao Quyết định thành lập tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Bản sao Quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;

d) Bản sao Quyết định phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

đ) Tài liệu về kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay theo Phụ lục 1 của Quyết định này;

e) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận về việc nộp lệ phí.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Tài liệu nêu tại các điểm a, b, c, d và e của khoản 3 Điều này;

b) Bản sao Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu trong trường hợp chủ đầu tư là cá nhân;

c) Bản sao Dự án đầu tư, xây dựng cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy phép xây dựng.

Điều 4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thông báo kế hoạch kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2. Nội dung kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay;

b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo mẫu tại Phụ lục 2 của Quyết định này, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

4. Sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định tại Điều 50 của Luật hàng không dân dụng Việt Nam. Hồ sơ đề nghị đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định này.

5. Việc đăng ký cảng hàng không, sân bay có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Hàng không Việt Nam ghi vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

Mục 2

SỔ ĐĂNG BẠ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 5. Lập và quản lý Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lập, ghi chép, cập nhật thông tin, quản lý Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

2. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay được lập dưới dạng Sổ giấy và Sổ điện tử.

Điều 6. Nội dung Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay ghi các thông tin liên quan đến đăng ký cảng hàng không, sân bay, đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

2. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin sau đây:

a) Ngày vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay đối với từng loại đăng ký;

b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký: số, ngày cấp;

c) Tên, địa chỉ của chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Tên cảng hàng không, sân bay;

đ) Vị trí, tọa độ cảng hàng không, sân bay;

- e) Cấp sân bay;
- g) Mục đích khai thác;
- h) Năng lực khai thác.

Điều 7. Sửa đổi nội dung trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Việc sửa đổi nội dung đăng ký trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay phải được thực hiện trong trường hợp nội dung quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 6 của Quyết định này có thay đổi.

2. Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải thường xuyên cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung đăng ký trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi thông tin, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị sửa đổi; tên cảng hàng không, sân bay; nội dung đề nghị sửa đổi;
- b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đã cấp.

4. Cục Hàng không Việt Nam sửa đổi nội dung trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, cấp mới Giấy chứng nhận

đăng ký cảng hàng không, sân bay, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay;
- c) Chương trình an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay;
- d) Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay;
- đ) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận về việc nộp lệ phí.

Điều 9. Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thông báo kế hoạch kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2. Nội dung kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Tổ chức, trang bị, thiết bị, các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.

5. Trong khi chờ Tiêu chuẩn kỹ thuật cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay được ban hành, Cục Hàng không Việt Nam kiểm

tra kỹ thuật, quy trình khai thác, giám sát việc thực hiện các điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 14, Tài liệu 139 của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế ICAO và tài liệu hướng dẫn khai thác của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IATA.

6. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 10. Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày Giấy chứng nhận hết hiệu lực, người khai thác cảng hàng không gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ người khai thác; cảng hàng không, sân bay được đề nghị; số, ngày, tháng, năm của Giấy chứng nhận đã được cấp;

b) Bản sao Giấy chứng nhận khai thác đã được cấp;

c) Tài liệu chứng minh những thay đổi của tài liệu khai thác so với lần cấp trước.

3. Thủ tục thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 9 của Quyết định này.

Điều 11. Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Các trường hợp sau đây phải sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Thay đổi, chuyển đổi người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Thay đổi mục đích, năng lực khai thác cảng hàng không, sân bay, cấp sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi Cục Hàng không Việt Nam hồ sơ đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận, bao gồm các thông tin: Tên, địa chỉ người đề nghị; số, ngày, tháng, năm của Giấy chứng nhận được đề nghị sửa đổi, bổ sung; lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung; nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi;

b) Tài liệu chứng minh những thay đổi quy định tại khoản 1 của Điều này;

c) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận việc nộp lệ phí.

3. Thủ tục thẩm định và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 9 của Quyết định này.

Điều 12. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng có trách nhiệm

lập tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Mục đích, căn cứ xây dựng, điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người khai thác cảng hàng không;

c) Thông tin chung về cảng hàng không, sân bay, bao gồm các sơ đồ về vị trí, mặt bằng tổng thể, phân khu chức năng, hệ thống trang bị, thiết bị; về tên, vị trí, tọa độ, mức cao và địa thế của sân bay, mức cao của ngưỡng đường cất cánh, hạ cánh; chi tiết về đài dẫn đường tại sân bay; tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Thông tin về kích thước của cảng hàng không, sân bay và các khu vực của sân bay như đường cất cánh, hạ cánh, đường lăn, sân đỗ; vị trí và tần số vô tuyến; vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất; vị trí và cao độ kiểm tra độ cao trước chuyến bay; phương án di chuyển tàu bay bị hư hỏng trong khu vực hoạt động; thông tin về tìm kiếm, cứu nạn; bản vẽ mặt bằng các khu vực sân bay;

đ) Quy trình khai thác, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cảng hàng không, sân bay;

e) Tổ chức bộ máy và hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn việc lập Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay theo các nội dung quy định trên đây.

Điều 13. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Duy trì các điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Lập và cập nhật thông tin thay đổi về điều kiện khai thác của cảng hàng không, sân bay vào Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam định kỳ 3 tháng một lần hoặc theo yêu cầu về:

a) Tình hình khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Những thay đổi về điều kiện khai thác của cảng hàng không, sân bay.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG, GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không

1. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp cho doanh nghiệp cảng hàng không. Giấy phép cung cấp dịch vụ

hàng không được cấp cho doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không gửi Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị; người đại diện theo pháp luật; loại hình doanh nghiệp; nội dung đề nghị cấp;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Tài liệu chứng minh về bộ máy tổ chức, đội ngũ nhân viên được cấp chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn; khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

d) Văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh về số vốn của doanh nghiệp;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị và các yếu tố cần thiết khác để bảo đảm khai thác, kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không của doanh nghiệp;

e) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận về việc nộp lệ phí.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt

Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra về các điều kiện cấp giấy phép, cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 4, 5 của Quyết định này, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.

4. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn việc lập quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không của doanh nghiệp.

Điều 15. Bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không

1. Doanh nghiệp muốn bổ sung lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không phải làm thủ tục đề nghị bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không.

2. Thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 14 của Quyết định này.

Điều 16. Trường hợp thu hồi Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, giám sát việc thực hiện các điều kiện kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam thu hồi Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không trong các trường hợp sau đây:

a) Người đề nghị cấp Giấy phép cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép;

b) Người được cấp Giấy phép vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không;

c) Người được cấp Giấy phép không thực hiện khuyến cáo của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ môi trường.

Chương V

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 3046/2003/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế về cấp Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục 1

CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG
CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

1. Đường CHC:

- Ký hiệu đường CHC.
- Kích thước đường CHC.
- Hướng từ của đường CHC.
- Tọa độ từng ngưỡng theo WGS-84.
- Giá trị PCN của đường CHC.
- Loại tầng phủ bề mặt.
- Loại máy bay lớn nhất đã sử dụng.
- Các cự ly công bố: TORA, TODA, ASDA, LDA.

2. Đường lăn:

- Ký hiệu.
- Kích thước đường lăn.
- Giá trị PCN.
- Loại tầng phủ bề mặt.

3. Sân đỗ máy bay:

- Loại sân đỗ.
- Chức năng.
- Số lượng chỗ đỗ.
- Kích thước.
- Giá trị PCN.
- Loại tầng phủ bề mặt.

4. Nhà ga hành khách:

- Tổng diện tích.
- Tổng diện tích dành cho hành khách.
- Tổng diện tích dành cho văn phòng và thiết bị.
- Tổng diện tích dành cho kinh doanh thương mại.
- Năng lực thông qua (số hành khách/năm).

5. Ga hàng hóa:

- Tổng diện tích.
- Công suất.

Phụ lục 2

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM Số...../GCNĐK-CHK		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY 		TỌA ĐỘ <input type="checkbox"/> Vĩ độ <input type="checkbox"/> Kinh độ	THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ <input type="checkbox"/> Đang xây dựng <input type="checkbox"/> Đã hoàn thành xây dựng
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
TIÊU CHUẨN, NĂNG LỰC KHAI THÁC:			
CẤP SÂN BAY:.....			
GHI CHÚ:			
Ngày, tháng, năm đăng ký vào Số:/...../..... Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....		CỤC TRƯỞNG	

Phụ lục 3

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM Số...../GCNKT-CHK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>				
GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần đầu:..... Cấp lần thứ hai:..... Cấp lần thứ ba:.....					
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY 	TỌA ĐỘ <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center; padding: 5px;">Vĩ độ</td> <td style="width: 50%; text-align: center; padding: 5px;">Kinh độ</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;">.....</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">.....</td> </tr> </table>	Vĩ độ	Kinh độ
Vĩ độ	Kinh độ				
.....				
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY:					
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:					
TIÊU CHUẨN, NĂNG LỰC KHAI THÁC:					
CẤP SÂN BAY:.....					
GHI CHÚ:					
Ngày, tháng, năm cấp:/...../..... Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:/...../.....	CỤC TRƯỞNG				

09634611

Phụ lục 4

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM <hr style="width: 80%; margin: 5px auto;"/> Số...../GPKD-CHK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
<p>GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG</p> Cấp lần đầu:..... Cấp lần thứ hai:..... Cấp lần thứ ba:.....	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG:	
SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG	
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY KINH DOANH:	
GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....	CỤC TRƯỞNG

09634611

Phụ lục 5

MẪU GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM Số...../GPCCDV-CHK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
<p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG</p> <p style="text-align: center;">Cấp lần đầu:.....</p> <p style="text-align: center;">Cấp lần thứ hai:.....</p> <p style="text-align: center;">Cấp lần thứ ba:.....</p>	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:	
SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:	
LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:	
GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....	CỤC TRƯỞNG

09634611

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com